

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Số: 808 /ĐSHL-KTAT

Vv phối hợp triển khai thực hiện Quyết
định số 358/QĐ-TTg, ngày 10/3/2020
của Thủ tướng Chính phủ và công tác
đảm bảo trật tự, an toàn giao thông
đường sắt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2024

VAN PHONG UBND TỈNH LẠNG SƠN

Số:
ĐẾN Ngày: 14/10/24

Chuyển:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn,
Hải Dương, Quảng Ninh.

- Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về
phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự HLTGT và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt;

- Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-ĐS ngày 31/12/2020 của Tổng công ty Đường sắt
Việt Nam, ban hành kèm theo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg
ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự HLTGT và
xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt;

- Thực hiện Kế hoạch của UBND các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải
Dương, Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020
của Thủ tướng Chính phủ tại các địa phương.

Công ty CPĐS Hà Lạng kính đề nghị UBND các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng
Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh:

1. Bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày
10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý
dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt; tổ chức cắm mốc, xác định ranh giới đất dành cho
đường sắt.

2. Chỉ đạo UBND các huyện (Quận, TP, TX); UBND các xã (phường, TT) trên địa
bàn tỉnh xử lý dứt điểm các vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt (đặc biệt
là các nơi đông dân cư);

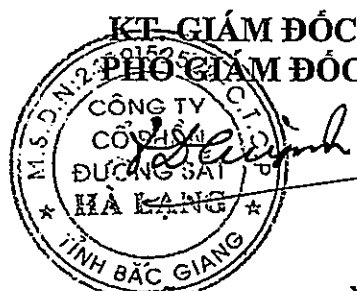
Bố trí nguồn kinh phí xây dựng hàng rào; đường gom; rào chắn, thu hẹp lối đi tự mở;
cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ, tổ chức cảnh giới tại vị trí các lối đi tự mở
có bề rộng > 3m, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường sắt (đính kèm phụ lục lối
đi tự mở cần rào chắn, thu hẹp, cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ).

Công ty CPĐS Hà Lạng trân thành cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ của UBND các tỉnh
Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh trong việc đảm bảo an toàn giao
thông đường sắt; Các góp ý, đề xuất xin gửi văn bản về Công ty CPĐS Hà Lạng; địa chỉ: số
06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc
Giang./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty ĐSVN (b/c);
- HĐQT Công ty (b/c);
- Giám đốc Công ty (b/c);
- Lưu: VT, KTAT.



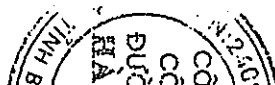
Nguyễn Đình Quyền

LỐI ĐI TỰ MỞ

Cần rào thu hẹp; cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ

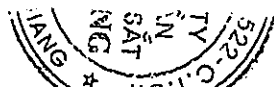
Địa bàn các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương và Quảng Ninh (phạm vi Công ty CPĐS Hà Lạng)

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt	Thông tin lối đi				Phân loại lối đi tự mở				Giải pháp đảm bảo ATGT				Đề xuất; Kiến nghị
			Xã, (phường, thị trấn)	Huyện (quận, thị xã, thành phố)	Tỉnh	Kết cấu mặt đường bộ	Công cộng			Vào một hộ dân	Cảnh giới hoặc chốt gác		Rào thu hẹp	Cấm biển hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ	
							≤1,5m	>1,5m + <3m	≥3m		Đ.sắt	Địa phương			
I - Tuyến đường sắt: Hà Nội - Đồng Đăng															
1	Km33+190	HN-ĐĐ	Đáp cầu	Bắc Ninh	Bắc Ninh	CP			x						
2	Km50+460	HN-ĐĐ	Ngô Quyền	Bắc Giang	Bắc Giang	CP			x						
3	Km54+510	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
4	Km54+700	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
5	Km54+980	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
6	Km55+230	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
7	Km55+458	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
8	Km56+390	HN-ĐĐ	Tân Đình	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
9	Km57+040	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
10	Km57+290	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
11	Km57+820	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
12	Km58+200	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
13	Km61+050	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
14	Km61+680	HN-ĐĐ	TT Vôi	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
15	Km62+150	HN-ĐĐ	Yên Mỹ	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
16	Km63+220	HN-ĐĐ	Hương Lạc	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
17	Km63+700	HN-ĐĐ	Hương Lạc	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
18	Km64+662	HN-ĐĐ	Hương Lạc	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
19	Km64+912	HN-ĐĐ	Hương Lạc	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
20	Km69+630	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
21	Km70+820	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
22	Km70+840	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
23	Km71+040	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
24	Km71+390	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
25	Km72+250	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
26	Km72+405	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
27	Km73+150	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
28	Km73+550	HN-ĐĐ	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
29	Km74+070	HN-ĐĐ	Hòa Thắng	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
30	Km75+865	HN-ĐĐ	Hòa Thắng	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
31	Km76+585	HN-ĐĐ	Hòa Thắng	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
32	Km87+095	HN-ĐĐ	Tân Thành	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
33	Km90+950	HN-ĐĐ	Hòa Sơn	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
34	Km91+910	HN-ĐĐ	Hòa Sơn	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
35	Km94+485	HN-ĐĐ	Hòa Lạc	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						



TT	Lý trình	Tuyến đường sắt	Thông tin lối đi				Phân loại lối đi tự mở				Giải pháp đảm bảo ATGT				Đề xuất; Kiến nghị
			Xã, (phường, thị trấn)	Huyện (quận, thị xã, thành phố)	Tỉnh	Kết cấu mặt đường bộ	Công cộng			Vào một hộ dân	Cảnh giới hoặc chốt gác		Rào thu hẹp	Cấm biến hạn chỗ phương tiện cơ giới đường bộ	
							≤1,5m	>1,5m + <3m	≥3m		Đ.sắt	Địa phương			
											Vị trí đã cảnh giới	Vị trí đã cảnh giới			
36	Km97+145	HN-ĐĐ	Hòa Lạc	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
37	Km97+590	HN-ĐĐ	Hòa Lạc	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
38	Km98+285	HN-ĐĐ	Hòa Lạc	Hữu Lũng	Lạng Sơn	CP			x						
39	Km101+350	HN-ĐĐ	TT Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
40	Km102+660	HN-ĐĐ	TT Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
41	Km103+700	HN-ĐĐ	Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
42	Km104+185	HN-ĐĐ	Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
43	Km105+075	HN-ĐĐ	Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
44	Km106+575	HN-ĐĐ	Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
45	Km107+520	HN-ĐĐ	Chi Lăng	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
46	Km108+620	HN-ĐĐ	TT Đồng Mô	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
47	Km111+128	HN-ĐĐ	TT Đồng Mô	Chi Lăng	Lạng Sơn	CP			x						
48	Km152+740	HN-ĐĐ	Hoàng Đồng	Lạng Sơn	Lạng Sơn	CP			x						
II - Tuyến đường sắt: Mai Pha - Na Dương															
1	Km9+180	MP-ND	Tân Liên	Cao Lộc	Lạng Sơn	CP			x						
2	Km9+640	MP-ND	Tân Liên	Cao Lộc	Lạng Sơn	CP			x						
3	Km10+040	MP-ND	Tân Liên	Cao Lộc	Lạng Sơn	CP			x						
4	Km11+130	MP-ND	Tân Liên	Cao Lộc	Lạng Sơn	CP			x						
III - Tuyến đường sắt: Kép - Hạ Long - Cái Lân															
1	Km2+975	KE-HL	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
2	Km4+062	KE-HL	Hương Sơn	Lạng Giang	Bắc Giang	CP			x						
3	Km14+540	KE-HL	Thanh Lâm	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
4	Km15+770	KE-HL	TT Phương Sơn	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
5	Km16+370	KE-HL	TT Phương Sơn	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
6	Km19+187	KE-HL	Yên Sơn	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
7	Km20+275	KE-HL	Yên Sơn	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
8	Km21+745	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
9	Km22+062	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
10	Km22+175	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
11	Km22+875	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
12	Km24A+578	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
13	Km24A+687	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
14	Km24A+800	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
15	Km24A+925	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
16	Km24B+962	KE-HL	Bắc Lũng	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
17	Km25A+450	KE-HL	Vũ Xá	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
18	Km25B+350	KE-HL	Vũ Xá	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
19	Km25B+412	KE-HL	Vũ Xá	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
20	Km26+887	KE-HL	Cầm Lý	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
21	Km28+750	KE-HL	Cầm Lý	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						
22	Km29+000	KE-HL	Cầm Lý	Lục Nam	Bắc Giang	CP			x						

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt	Thông tin lối đi				Phân loại lối đi tự mở				Giải pháp đảm bảo ATGT				Đề xuất; Kiến nghị
			Xã, (phường, thị trấn)	Huyện (quận, thị xã, thành phố)	Tỉnh	Kết cấu mặt đường bộ	Công cộng			Vào một hộ đầu	Cảnh giới hoặc chốt gác		Rào thu hẹp	Cấm biến hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ	
							≤1,5m	>1,5m + <3m	≥3m		Đ.sắt	Địa phương			
											Vị trí đã cảnh giới	Vị trí đã cảnh giới			
23	Km30+275	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
24	Km31+425	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
25	Km32+125	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
26	Km32+577	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	BTN			x						
27	Km32+998	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
28	Km33+102	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
29	Km33+355	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
30	Km33+672	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
31	Km34+129	KE-HL	Bắc An	Chí Linh	Hải Dương	BTN			x						
32	Km40+177	KE-HL	Hoàng Tiến	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
33	Km43+140	KE-HL	Bình Dương	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
34	Km43+766	KE-HL	Bình Dương	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
35	Km44+097	KE-HL	Bình Dương	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
36	Km44+329	KE-HL	Bình Dương	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
37	Km45+075	KE-HL	Việt Dân	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
38	Km45+463	KE-HL	Việt Dân	Đông Triều	Quảng Ninh	BT			x						
39	Km46+013	KE-HL	Việt Dân	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
40	Km46+880	KE-HL	Tân Việt	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
41	Km48+225	KE-HL	Đức Chính	Đông Triều	Quảng Ninh	BT			x						
42	Km52+821	KE-HL	Xuân Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
43	Km54+503	KE-HL	Kim Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
44	Km54+839	KE-HL	Kim Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
45	Km55+229	KE-HL	Kim Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
46	Km55+811	KE-HL	Kim Sơn	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
47	Km56+098	KE-HL	Mạo Khê	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
48	Km56+490	KE-HL	Mạo Khê	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
49	Km57+805	KE-HL	Mạo Khê	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
50	Km59+491	KE-HL	Mạo Khê	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
51	Km59+990	KE-HL	Yên Thọ	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
52	Km60+809	KE-HL	Yên Thọ	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
53	Km60+921	KE-HL	Yên Thọ	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
54	Km61+592	KE-HL	Hoàng Quế	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
55	Km62+085	KE-HL	Hoàng Quế	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
56	Km63+064	KE-HL	Hoàng Quế	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
57	Km63+319	KE-HL	Hoàng Quế	Đông Triều	Quảng Ninh	CP			x						
58	Km73+736	KE-HL	Thanh Sơn	Uông Bí	Quảng Ninh	CP			x						
59	Km76+246	KE-HL	Quang Trung	Uông Bí	Quảng Ninh	CP			x						
60	Km81+918	KE-HL	Nam Khê	Uông Bí	Quảng Ninh	CP			x						
61	Km82+238	KE-HL	Nam Khê	Uông Bí	Quảng Ninh	CP			x						
62	Km83+261	KE-HL	Đông Mai	Quảng Yên	Quảng Ninh	CP			x						
63	Km83+677	KE-HL	Đông Mai	Quảng Yên	Quảng Ninh	CP			x						



TT	Lý trình	Tuyến đường sắt	Thông tin lối đi				Phân loại lối đi tự mở				Giải pháp đảm bảo ATGT				Đề xuất; Kiến nghị
			Xã, (phường, thị trấn)	Huyện (quận, thị xã, thành phố)	Tỉnh	Kết cấu một đường bộ	Công cộng			Vào một bộ dẫn	Cảnh giới hoặc chốt gác		Rào thu hẹp	Cấm biến hạn chế phương tiện cơ giới đường bộ	
							≤1,5m	>1,5m + <3m	≥3m		Đ.sắt	Địa phương			
											Vị trí đã cảnh giới	Vị trí đã cảnh giới			
64	Km86+444	KE-HL	Mình Thành	Quảng Yên	Quảng Ninh	CP			x						
65	Km87+200	KE-HL	Mình Thành	Quảng Yên	Quảng Ninh	BT			x						
66	Km90+385	KE-HL	Đại Yên	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
67	Km90+416	KE-HL	Đại Yên	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
68	Km94+794	KE-HL	Đại Yên	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
69	Km97+456	KE-HL	Đại Yên	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
70	Km98+814	KE-HL	Đại Yên	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
71	Km100+100	KE-HL	Việt Hưng	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
72	Km100+275	KE-HL	Việt Hưng	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
73	Km100+908	KE-HL	Việt Hưng	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
74	Km103+885	KE-HL	Hà Khẩu	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
75	Km105+470	KE-HL	Hà Khẩu	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
76	Km124+650	KE-HL	Giếng Đáy	Hạ Long	Quảng Ninh	CP			x						
IV - Tuyến đường sắt: Chí Linh - Phả Lại															
1	Km1+526	CL-PL	Bến Tắm	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
2	Km3+269	CL-PL	Hoàng Tân	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
3	Km5+200	CL-PL	Cộng hòa	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
4	Km5+968	CL-PL	Cộng hòa	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
5	Km6+528	CL-PL	Cộng hòa	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
6	Km8+532	CL-PL	Sao Đỏ	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
7	Km9+852	CL-PL	Sao Đỏ	Chí Linh	Hải Dương	BNT			x						
8	Km11+093	CL-PL	Chí Minh	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
9	Km11+541	CL-PL	Chí Minh	Chí Linh	Hải Dương	BT			x						
10	Km11+560	CL-PL	Chí Minh	Chí Linh	Hải Dương	BT			x						
11	Km12+303	CL-PL	Chí Minh	Chí Linh	Hải Dương	CP			x						
12	Km13+572	CL-PL	Vân An	Chí Linh	Hải Dương	BT			x						